TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2024/DS-ST Ngày 08-7-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Sơn Thanh Bình.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; Địa chỉ: Lầu 8,9,10 Toà nhà Gilimex, số 24C P, Phường 6, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn D; Địa chỉ: Lầu 8,9,10 Toà nhà Gilimex, số 24C P, Phường 6, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo Giấy ủy quyền số: 231002-44-CCO**,** ngày 02 tháng 10 năm 2023 (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc L; Địa chỉ: ấp Thiện Tánh, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T ông Đỗ

Văn D trình bày:

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, bà Huỳnh Ngọc L đã ký Hợp đồng tín dụng số CL016120579 với Công ty T Theo Hợp đồng, bà Lđã vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 4.21%; mục đích vay để mua hàng tiêu dùng; cho vay từng lần theo hình thức cho vay trả góp. Theo hợp đồng bà Ltrả tiền vào ngày 05 hàng tháng, bà Lphải thanh toán cho Công ty Tsố tiền 1.660.735 đồng, liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 đến ngày 05 tháng 7 năm 2021.

Từ ngày ký hợp đồng ngày 05 tháng 02 năm 2020 thì bà Lchưa thanh toán cho Công ty T được kỳ trả nợ nào theo thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Công ty Tđã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà Lthực hiện đúng theo thoả thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay bà Lvẫn không thanh toán được cho Công ty Tđược khoản tiền gốc và lãi theo như thoả thuận. Tính đến ngày 08 tháng 7 năm 2024 bị đơn bà Huỳnh Ngọc L còn nợ của Công ty Tsố tiền gốc là: 20.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 đến ngày 05 tháng 7 năm 2020 là: 4.355.381 đồng; tiền lãi quá hạn tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 từ ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến ngày khởi kiện 02 tháng 10 năm 2023 là 44 tháng với số tiền là 7.333.334 đồng. Tuy nhiên đối với số tiền lãi quá hạn Công ty Tgiảm cho bà L5.204.249 đồng, chỉ yêu cầu bà Ltrả 2.129.085 đồng.

Nay Công ty Tyêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Ngọc L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty Ttổng số tiền vay tính đến hết ngày 08 tháng 7 năm 2024 là 26.484.466 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.355.381 đồng; lãi quá hạn: 2.129.085 đồng và yêu cầu bà Lphải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty Tcó đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bà Lkhông thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án chứ không tính lãi phát sinh theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc L sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bà L nhưng bà Lkhông có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bà L vẫn không tham gia. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà L nhưng bà Lkhông gửi văn bản ghi ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã

tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc bị đơn bà Huỳnh Ngọc L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tđến hết ngày 08 tháng 7 năm 2024 là: 26.484.466 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.355.381 đồng; lãi quá hạn: 2.129.085 đồng và yêu cầu bà Lphải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty Tcó đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bà Lkhông thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án chứ không tính lãi phát sinh theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tông Đỗ Văn D vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt); bị đơn bà Huỳnh Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Tkhởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Ngọc L trả số tiền vay tính đến hết ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo Hợp đồng tín dụng số CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020 thì bị đơn bà Huỳnh Ngọc L còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là 26.484.466 đồng (Trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.355.381 đồng; lãi quá hạn: 2.129.085 đồng) và yêu cầu bà Lphải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty Tcó đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bà Lkhông thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, không yêu cầu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020 hai bên đã ký kết. Hội đồng

xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, theo thông báo thụ lý Toà án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Ngọc L, có địa chỉ tại ấp Thiện Tánh, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T Hội đồng xét xử thấy rằng theo Hợp đồng tín dụng số CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020 thì bị đơn bà Huỳnh Ngọc L vay của Công ty Tsố tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 4.21%, lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; mục đích vay để mua hàng tiêu dùng; cho vay từng lần theo hình thức cho vay trả góp. Theo hợp đồng bà Ltrả tiền vào ngày 05 hàng tháng, bà Lphải thanh toán cho Công ty Tsố tiền 1.660.735 đồng, liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 đến ngày 05 tháng 7 năm 2021. Tuy nhiên, đến nay bị đơn bà Huỳnh Ngọc L không toán cho Công ty Tđúng theo thoả thuận trong hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Tcung cấp được cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số: CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020; Đề nghị cấp tín dụng kiêm thoả thuận sử dụng dịch vụ điện tử số: CL016120579 ngày 08 tháng 01 năm 2020 tất cả đều có chữ ký, chữ viết của bà Huỳnh Ngọc L.

Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn bà Huỳnh Ngọc L và Công ty Tcó giao kết hợp đồng để vay số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn bà Huỳnh Ngọc L đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, như vậy bị đơn bà Huỳnh Ngọc L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 8; Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số: CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020.

Hiện nay, bị đơn bà Huỳnh Ngọc L còn nợ của nguyên đơn Công ty Ttiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo CL016120579 lập ngày

08 tháng 01 năm 2020, tổng cộng là: 26.484.466 đồng (Trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.355.381 đồng; lãi quá hạn: 2.129.085 đồng). Xét thấy, bị đơn bà Huỳnh Ngọc L đã nhận tiền gốc vay của Công ty Tvì vậy, cần buộc bị đơn bà Huỳnh Ngọc L phải trả cho nguyên đơn Công ty Tsố tiền gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Công ty Tyêu cầu tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, thấy rằng, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Tiền lãi quá hạn Công ty Ttính từ ngày 06 tháng 02 năm 2020 đến ngày khởi kiện 02 tháng 10 năm 2023 là 44 tháng với số tiền là 7.333.334 đồng, nhưng Công ty T giảm cho bà L 5.204.249 đồng, chỉ yêu cầu bà Ltrả 2.129.085 đồng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tđược chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Ngọc L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 100; Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T

Buộc bị đơn bà Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tsố tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo hợp đồng số: CL016120579 lập ngày 08 tháng 01 năm 2020 tiền gốc vay và tiền lãi là: 26.484.466 đồng (Trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.355.381 đồng; lãi quá hạn: 2.129.085 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc L phải chịu án phí số tiền 1.324.223 đồng.

Công ty Tkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 662.112 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003456 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng